TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **1359**/2023/QĐST-VHNGĐ	*Biên Hòa, ngày 14 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 5, 8, 9, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 1860/2023/TLST-VHNGĐ ngày 31/7/2023, về việc "Yêu cầu Công nhận thuận tình ly hôn; thỏa thuận nuôi con chung và tài sản chung khi ly hôn" giữa:

Người yêu cầu:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1987.

Địa chỉ đăng ký thường trú: Thôn T, xã G, huyện G, tỉnh N.

Địa chỉ cư trú hiện nay: Nhà không số, tổ 25, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1991.

Địa chỉ đăng ký thường trú: Thôn T, xã G, huyện G, tỉnh N.

Địa chỉ nơi làm việc: ..... – Số 8/4, tổ 24, khu phố B, phường T, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ cư trú hiện nay: Nhà không số, tổ 25, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ánh N xây dựng gia đình với nhau vào năm 2014, trên cơ sở cả hai tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Gia Phú, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không còn hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không còn tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau. Mặc dù cả hai đã cố gắng hàn gắn để tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân và cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng cho đến nay mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được mà ngày càng trở nên trầm trọng. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng cả

ông H và bà N vẫn không thể tìm được tiếng nói chung và xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để trả tự do cho nhau.

Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ánh N.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng, ông H và bà N có 01 con chung tên là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 10/3/2015. Ly hôn ông H và bà N thống nhất thoả thuận giao cháu Đ cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông H cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 (*Một triệu, năm trăm nghìn*) đồng/tháng kể từ ngày Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị Ánh N cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, hàng tháng ông Nguyễn Văn H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3] Về tài sản chung: Ông H và bà N xác định là không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên được xác định là không có.

[4] Về nợ chung: Ông H và bà N xác định là không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên được xác định là không có.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông H và bà N tự nguyện nộp mỗi người 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng nên được ghi nhận.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ánh N thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 10/3/2015 cho bà Nguyễn Thị Ánh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 1.500.000 (*Một triệu, năm trăm nghìn*) đồng/tháng kể từ ngày Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị Ánh N cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, hàng tháng ông Nguyễn Văn H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

1.3. Về tài sản chung: Không có.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ánh N tự nguyện nộp mỗi người 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng lệ phí Việc hôn nhân gia đình sơ thẩm, được cấn trừ vào số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng lệ phí ông H, bà N đã nộp tại biên lai thu số 0008556 ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Chi cục thi hành án Dân sự TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Thế Mạnh